**TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẢNG PHÚ**

**-----o0o-----**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**LỚP: 5A**

**Tuần:**  18 (Từ ngày 6/ 1/2025 đến ngày 10/ 1/2025)

 **Môn: Tiếng Việt + Toán + HĐTN + Đạo đức + Khoa học, Ls và**

 **ĐL, Tiếng Việt (CC), Toán ( CC).**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người thực hiện****Nguyễn Thị Hoa** | **Tổ (Khối) trưởng****Nguyễn Thị Hoa** | **Kí duyệt của BGH****Nguyễn Thị Thủy** |

**Năm học: 2024 - 2025**

***(Thực hiện từ ngày 6/1/2025 –10/1/2025)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài dạy** | **Tiết theo PPCT** | **Ghi chú** |
| **HAI****6/1** | **Sáng** | 1 | HĐTN | **SH dưới cờ:** Tổng kết hoạt động *Viết về nghề mơ ước* | 52 |  |
| 2 | Âm nhạc |  |  |  |
| 3 | Đạo đức | Bài 5. Bảo vệ môi trường sống (Tiết 2) | 18 |  |
| 4 | TV | Ôn tập và đánh giá cuối HKI (Tiết 1+2) | 120 |  |
| **Chiều** | 5 | T.Anh |  |  |  |
| 6 | Toán | Bài 34: Ôn tập đo lường (Tiết 1) | 86 |  |
| 7 | TV | Ôn tập và đánh giá cuối HKI (Tiết 3+ 4) | 121 |  |
| **BA****7/1** | **Sáng** | 1 | TV | Thi định kì cuối học kì 1 | 122 |  |
| 2 | TV | Thi định kì cuối học kì 1 | 123 |  |
| 3 | TV | Thi định kì cuối học kì 1 | 124 |  |
| 4 | TV | Thi định kì cuối học kì 1 | 124 |  |
| **Chiều** | 5 | Toán | Thi định kì cuối học kì 1 | 87 |  |
| 6 | T. anh | Thi định kì cuối học kì 1 |  |  |
| 7 | LS và ĐL | Bài 14: Cách mạng tháng Tám năm 1945 (Tiết 1) | 35 |  |
| **TƯ****8/1** | **Sáng** | 1 | T.anh |  |  |  |
| 2 | T. anh |  |  |  |
| 3 | Tin |  |  |  |
| 4 | C. nghệ | Ôn tập cuối học kì I | 17 |  |
| **Chiều** | 5 | Toán | Bài 34: Ôn tập đo lường (Tiết 2) | 88 |  |
| 6 | TV | Ôn tập và đánh giá cuối HKI (Tiết 5) | 125 |  |
| 7 | Khoa học | Bài 16: Vòng đời và sự phát triển của động vật (Tiết 2) | 34 |  |
| **NĂM****9/1** | **Sáng** | 1 | Tin | Thi định kì cuối học kì 1 |  |  |
| 2 | C.nghệ | Thi định kì cuối học kì 1 | 18 |  |
| 3 | LS và ĐL | Thi định kì cuối học kì 1 | 36 |  |
| 4 | Khoa học | Thi định kì cuối học kì 1 | 35 |  |
| **Chiều** | 5 | HĐTN | **HĐGD theo chủ đề:** Nghề mơ ước của em | 53 |  |
| 6 | Toán  | Bài 35: Ôn tập chung (Tiết 1) | 89 |  |
| 7 | GDTC |  |  |  |
| **SÁU****10/1** | **Sáng** | 1 | Toán | Bài 35: Ôn tập chung (Tiết 2) | 90 |  |
| 2 | TV | Ôn tập và đánh giá cuối HKI (Tiết 6+ 7) | 126 |  |
| 3 | MT |  |  |  |
| 4 | HĐTN | **Sinh hoạt lớp:** Hỏi – đáp về nghề nghiệp | 54 |  |
| **Chiều** | 5 | KNS | Chủ đề Tết cổ truyền. | 18 |  |
| 6 | TATC |  |  |  |
| 7 | TATC |  |  |  |

***Thứ hai ngày 6 tháng 1 năm 2025***

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SHDC: TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG VIẾT VỀ NGHỀ MƠ ƯỚC**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Tìm hiểu được về an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước.
* Trình bày được ước mơ nghề nghiệp của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* Tìm hiểu được an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước.
* Trình bày được mơ ước nghề nghiệp của bản thân.

**3. Phẩm chất**

* *Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giấy A3, bút, bút màu.
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1. 12’ Thực hiện nghi lễ chào cờ:**

- Người điều hành chính: Tổng phụ trách

- Người phối hợp: Tập thể giáo viên nhà trường.

- GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ.

- Tổ chức Lễ chào cờ.

- Tổng phụ trách đánh giá nhận xét nề nếp các lớp tuần 17.

**\* Hoạt động 2: Tổng kết hoạt động viết về nghề mơ ước.**

- Đại diện nhà trường/ GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu nội dung tổng kết hoạt động Viết về nghề mơ ước:



+ GV khen ngợi HS đã tích cực tham gia hoạt động và có nhiều bài viết chất lượng tốt.

+ GV mời đại diện một số lớp lên chia sẻ bài viết về nghề mơ ước trước toàn trường.

+ GV mời một số HS bày tỏ cảm xúc sau khi tham gia hoạt động.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………………

**ĐẠO ĐỨC**

**Bài 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ môi trường sống.

- Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống.

- Có những việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường sống.

- Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ môi trường sống.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc có những việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường sống. Nhắc nhở bạn bè, người thân có hành vi, thái độ, việc làm để bảo vệ môi trường sống.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, tự điều chỉnh hành vi, thái độ lời nói và việc làm để bảo vệ môi trường sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện việc bảo vệ môi trường sống ở trường, ỏ nơi công cộng phù hợp với bản thân.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết tự hào, bảo vệ môi trường sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bài giảng điện tử.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Hoạt động Khởi động: 4’**

- GV tổ chức trò chơi: “Nước biển dâng”.

Kết thúc Trò chơi, GV đặt câu hỏi: *Trò chơi chứa đựng thông điệp gì về vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường của con người hiện nay?*

- GV dẫn dắt vào bài mới.

**2. Hoạt động luyện tập: 22’**

**Bài tập 1: Tham gia trò chơi:Nếu… thì” về chủ đề “Bảo vệ môi trường”**

- Giáo viên chia lớp thành 2 đội với số lượng thành viên như nhau, xếp đứng thành một hàng đối diện nhau. Mỗi thành viên của nhóm này sẽ đưa ra mệnh đề nếu và một thành viên đội còn lại sẽ đưa ra mệnh đề thì sao cho phù hợp. Khi trò chơi được thực hiện 1/2 thì tiến hành đổi bên nhóm đưa ra mệnh đề nếu sẽ chuyển sang mệnh để thì và ngược lại. Nếu đội nào có số lượng các mệnh đề phù hợp nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.



- Giáo viên nhận xét tinh thần, thái độ học tập và kết quả tham gia trò chơi của học sinh.

- GV kết luân: *Trò chơi cho thấy môi trường được bảo vệ hay hủy hoại là do chính bàn tay con người. Vì thế, hãy luôn thực hiện những việc làm tốt để bảo vệ môi trường của chúng ta luôn được bảo vệ.*

**Bài tập 2: Tìm hiểu và giải thích tác dụng của các việc làm bảo vệ môi trường.**

-Giáo viên tổ chức cho học sinh bằng cách thảo luận theo nhóm ghép đôi để tìm hiểu tác dụng của những việc làm giúp bảo vệ môi trường.

- GV mời 1 số đại diện của các đội nêu nội dung của các bức tranh và giải thích vì sao nên làm, vì sao không nên làm.



- Đại diện các nhóm trình bày

1. Trồng và chăm sóc cây xanh: giúp cải thiện chất lượng không khí, tạo bóng mát, giảm nhiệt độ, ngăn ngừa lũ lụt, xói mòn đất, tạo cảnh quan xanh tươi, thoáng mát.
2. Phân loại rác thải trước khi xử lý: giúp lại che các loại rác còn có thể sử dụng được. Giảm chi phí thu gom, xử lý phòng tránh bệnh tật, truyền nhiễm từ rác thải.
3. Giữ trật tự nơi công cộng: giúp giảm ô nhiễm tiếng ồn, tạo không gian yên tĩnh, nghỉ ngơi, ngăn ngừa bệnh tật.
4. Tuyên truyền, bảo vệ môi trường: giúp người xung quanh nâng cao ý thức và có việc làm thiết thực, giúp cùng nhau bảo vệ môi trường được tốt hơn.
5. Sử dụng túi vải một số loại lá, giấy,.. để gói đựng sản phẩm thay cho túi ni lông: giúp hạn chế rác thải, tiết kiệm chi phí sản xuất túi đựng đó, góp phần tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV gọi các nhóm khác nhận xét bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương, kết luận.

**Bài tập 3: Bày tỏ ý kiến**

- Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm 4 và phát phiếu học tập cho HS.

- Giáo viên tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả bằng cách sử dụng biển mặt cười (đồng tình), mặt mếu (không đồng tình).



- HS thực hiện.

1. Không đồng tình vì việc làm này gây ô nhiễm không khí cho cô dân cư hạn chế tầm nhìn khi tham gia giao thông.
2. Đồng tình vì đây là việc làm giúp ngăn chặn hành vi gây ô nhiễm môi trường.
3. Đồng tình vì khói thuốc lá gây ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe của những người xung quanh và có thể gây cháy nổ khi tham gia giao thông.
4. Không đồng tình vì việc làm này có thể tránh gây ô nhiễm không khí trong nhà nhưng sẽ làm ô nhiễm môi trường bên ngoài. Bên cạnh đó, việc sử dụng bếp than tổ ong là nguyên nhân gây ảnh hưởng nhiều đến cơ quan hô hấp như viêm phổi, viêm phế quản, thậm chí nặng hơn, có thể gây ra bệnh phổi tắc nghẽn, phù nề, ung thư thanh quản. Do vậy, gia đình bạn không nên sử dụng bếp than tổ ong để đun nấu.
5. Không đồng tình vì hành vi này làm ô nhiễm môi trường đất rất ghê nguy hiểm cho những ai giẫm phải.

g.Đồng tình vì việc làm này giúp bạn nâng cao hiểu biết về môi trường và biết thêm nhiều việc làm để góp phần bảo vệ môi trường sống.

h. Không đồng tình vì hành vi này khiến ô nhiễm nguồn nước gây tắc nghẽn cống rảnh và ảnh hưởng đến các sinh vật trong môi trường nước khi vương hoặc nuốt phải.

- HS chú ý, lắng nghe.

- Giáo viên tổng kết hoạt động khen ngợi các nhóm làm việc tốt, tổng kết những việc làm đúng và không đúng trong việc bảo vệ môi trường.

**3. Vận dụng, trải nghiệm.: 8’**

**Xử lí tình huống**

- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm 6 HS, cho đại diện nhóm bốc thăm tình huống.

- GV mời 1 số nhóm lên thể hiện, các nhóm khác có thể đóng góp thêm ý tưởng cho tiểu phẩm đó.

- GV đánh giá chung và kết luận: Với mỗi tình huống cần có cách xử lí phù hợp thể hiện ý thức bảo vệ của công.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

# ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I ( tiết 1 + 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

### 1. Năng lực

- Việc ôn tập cuối học kì I giúp HS đánh giá được kết quả học tập của học kì đầu tiên theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học.

#### 1.1. Đọc

*a. Kĩ thuật đọc*

- Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

- Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.

- Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ).

- Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

*b. Đọc hiểu*

*-* Đọc hiểu văn bản văn học:

*+* Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.

+ Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

+ Hiểu chủ đề của văn bản.

+ Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.

+ Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.

+ Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.

+ Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

+ Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.

+ Nêu được những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, vở kịch,...

*–* Đọc hiểu văn bản thông tin:

*+* Nắ m được những thông tin chính của văn bản.

+ Xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.

+ Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết; biết tóm tắt văn bản.

+ Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hành động.

+ Nhận biết bố cục của văn bản: phần đầu, phần giữa (phần chính), phần cuối và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.

+ Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.

+ Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

+ Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

#### 1.2. Viết

a. Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo. Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện. Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách, một bộ phim hoạt hình đã xem,...

b. Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

c. Nhận biết được quy tắc viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Biết mở rộng vốn từ theo chủ điểm. Nhận biết đại từ và kết từ; từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; dấu gạch ngang và dấu gạch nối; biết sử dụng từ điển để tìm từ và tra nghĩa của từ, tra cứu các thông tin khác,... Vận dụng kiến thức đã học để sử dụn g từ phù hợp các ngữ cản h cụ thể, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.

**2. Phẩm chất**

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các phiếu học tập (theo nội dung các tiết 1, 2,

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Hoạt động 1: 4’Khởi động**

- Gv kiểm tra bài cũ.

- Nhận xét tuyên dương HS

- Dẫn dắt giới thiệu vào bài mới.

### *2. Hoạt động 2: 30’Thực hành, luyện tập.*

### *\* Ôn tập*

- GV có thể hướng dẫn HS làm lần lượt từng bài hoặc hướng dẫn HS tự làm việc theo nhóm (trước khi làm việc nhóm, dành thời gian để từng cá nhân thực hiện yêu cầu):

**1.** *Kể tên 4 chủ điểm đã học ở học kì I và cho biết mỗi chủ điểm giúp em có thêm những hiểu biết gì về cuộc sống.*

Bài tập này giúp HS có cái nhìn bao quát về 4 chủ điểm các em đã được học và quan trọng hơn là giúp các em khám phá, giải thích được ý nghĩa của mỗi chủ điểm.

- GV gọi HS đọc yêu cầu của bài và yêu cầu HS xem kĩ tranh.

- GV gọi HS làm việc nhóm, cùng nhau suy nghĩ về 4 bức tranh chủ điểm và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát các nhóm, ghi nhận xét.

- GV nhận xét, chốt đáp án.

**Dự kiến câu trả lời:**

***Chủ điểm 1*.** *Thế giới tuổi thơ*: nói về niềm vui của mỗi cá nhân, những trò chơi tuổi thơ, giờ học vui vẻ trên lớp, tình bạn tuổi học trò và những xúc cảm cá nhân,...

***Chủ điểm 2.*** *Thiên nhiên kì thú*: nói về vẻ đẹp đầy bí ẩn và lí thú của rừng, của biển, đất trời, cỏ cây, muông thú, hang động,...

***Chủ điểm 3.*** *Trên con đường học tập*: nói về hành trình đi tìm kiếm tri thức và phát triển bản thân, quá trình hoàn thiện của mỗi cá nhân, bài học về sự thành công của những người nổi tiếng,...

***Chủ điểm 4.*** *Nghệ thuật muôn màu*: phản ánh vẻ đẹp của thế giới của hội hoạ, âm nhạc, điện ảnh, văn chương,...

**2.** *Đọc một câu chuyện, văn bản miêu tả hoặc văn bản thông tin trong các chủ điểm đã học và trả lời câu hỏi.*

– GV cho HS làm việc nhóm, trả lời các câu hỏi trong sách.

– GV mời đại diện một số nhóm trả lời.

– GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

**3.** *Tìm kết từ phù hợ p với mỗi bông hoa.*

- GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài, đọc đoạn trích.

- GV cho HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ đoạn trích.

+ Tập trung vào các từ ngữ xung quanh bông hoa.

+ Th ống nhất đáp án.

- Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

- GV và HS cùng chốt đáp án:

**Dự kiến câu trả lời:**

- Và từ sau hôm đó, Hương bắt đầu viết thư **cho** cô Th u. Một việc thật là mới mẻ **và** thích thú. Hương không còn thấy buồn chán **hay/ và** sợ hãi mỗi khi bố mẹ đi vắng. Mọi khi thì Hương nói chuyện **với** con mèo. **Nhưng** nói mãi cũng chán! **Vì** nó chẳng biết nói chuyện lại **với** Hương mà chỉ biết meo meo thôi. Bây giờ thì Hương đã có người trò chuyện rồi. (*Th eo* Xuân Quỳnh)

- GV mời đại diện một số nhóm trả lời.

- GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

**3.** *Tìm kết từ phù hợ p với mỗi bông hoa.*

- GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài, đọc đoạn trích.

- GV cho HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ:

+ Đọc kĩ đoạn trích.

+ Tập trung vào các từ ngữ xung quanh bông hoa.

+ Th ống nhất đáp án.

- Đại diện các nhóm trả lời. GV và HS cùng nhận xét, góp ý.

- GV và HS cùng chốt đáp án:

**Dự kiến câu trả lời:**

- Và từ sau hôm đó, Hương bắt đầu viết thư **cho** cô Th u. Một việc thật là mới mẻ **và** thích thú. Hương không còn thấy buồn chán **hay/ và** sợ hãi mỗi khi bố mẹ đi vắng. Mọi khi thì Hương nói chuyện **với** con mèo. **Nhưng** nói mãi cũng chán! **Vì** nó chẳng biết nói chuyện lại **với** Hương mà chỉ biết meo meo thôi. Bây giờ thì Hương đã có người trò chuyện rồi. (*Th eo* Xuân Quỳnh)

**4. Đọc câu chuyện *Chú mèo con nói nhiều* và thực hiện yêu cầu:**

a. Tìm từ ngữ xưng hô của mèo con.

b. Th eo em, những từ ngữ dưới đây có phải từ xưng hô không? Vì sao?

- Từ “chúng” trong câu “Chúng cười khúc khích”.

- Từ “chúng ta” trong câu “Hôm nay, chúng ta đừng ra ngoài tìm thức ăn nữa.”.

- GV cho HS làm việc nhóm, các nhóm thi với nhau xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất.

**Dự kiến câu trả lời:**

a. Các từ ngữ xưng hô của mèo con.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mèo con** | **Với mèo mẹ** | **Với ngỗng** |
| Tự chỉ mình (xưng)  | con | cháu |
| Chỉ người nghe (hô)  | em | bác |

b. Từ “chúng” trong câu “Chúng cười khúc khích.” không phải là đại từ xưng hô, vì nó không được dùng để xưng hay hô. Còn từ “chúng ta” trong câu “Hôm nay chúng ta đừng ra ngoài tìm thức ăn nữa.” là từ xưng hô, vì nó được dùng để chỉ người nói và những người nghe, mang ý nghĩa số nhiều (bao gồm cả đàn chuột).

**4. Hoạt động 4: 3’ Vận dụng, trải nghiệm**

- GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách.

+ Bài học này các em đã được học những nội dung nào?

- GV khên ngợi những HS tích cực đóng góp cho tiết học

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**TOÁN**

**BÀI 34. ÔN TẬP ĐO LƯỜNG ( tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nắm được các đơn vị đo độ dài, diện tích, khối lượng và mối quan hệ giữa các đơn vị.

- HS vận dụng được các đơn vị đo trong một số tình huống giải toán cụ thể.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học,...

**+ Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**+ Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Hình ảnh bao gạo, con gà, con đường, thửa ruộng với các thẻ ghi số và đơn vị tương ứng.

- Video, hình ảnh về Hồ Gươm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động Mở đầu: 5’**

- HS tham gia trò chơi: “Ghép số đo với hình tương ứng”.

1

 yến

2

 kg

5

 km

1

,2 ha

Thửa ruộng

Bao gạo

Con đường

Con gà

- HS chia đội, chơi trò chơi.

- HS nêu tên các nhóm đơn vị đo lường vừa nêu:

+ Đơn vị đo độ dài: km.

+ Đơn vị đo khối lượng: kg, yến.

+ Đơn vị đo diện tích: ha.

**2. Thực hành, luyện tập: 15’**

***Bài 1***

- HS đọc đề bài, rồi giải bài vào vở.

- HS nối tiếp chữa bài, HS trong lớp lắng nghe, tự chấm, chữa bài:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) 28 m 15 cm = 2 815 cm  |  13,7 m = 137 dm | 9,02 km = 9 020 m |
| 4 kg 500 g = 4 500 g  |  3,42 tạ = 342 kg  | 6,35 tấn = 6 350 kg |
| b) 4 km2 37 ha = 437 ha  | 6,5 ha = 65 000 m2  | 700 ha = 7 km2 |
| 5 dm2 24 cm2 = 524 cm2  | 2,75 m2 = 275 dm2  | 1. 00 m2 = 9 ha
 |

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS nêu lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích, đo độ dài, đo khối lượng.

***Bài 2***

- HS đọc đề bài.

- HS thực hiện làm bài vào vở.

- 4 HS nêu đáp án.

a) 6,34 km + 5,8 km = 12,14 km 7,6 kg – 2,75 kg = 4,85 kg

b)28,6 ha × 5 = 143 ha 93,17 km2 : 7 = 13,31 km2

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS lưu ý: Muốn thực hiện tính cộng, trừ, các số trong phép tính phải có cùng đơn vị đo.

**3. Vận dụng, trải nghiệm: 15’**

***Bài 3***

- HS đọc đề bài.

- HS nêu đáp án và giải thích:

Đổi: 0,12 km2 = 12 ha = 120 000 m2

Vậy diện tích Hồ Gươm khoảng 12 ha hay 120 000 m2.

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS xem video hoặc hình ảnh về Hồ Gươm.

***Bài 4***

- HS đọc đề bài.

- HS làm bài vào vở.

- 1 – 2 HS trình bày bài làm.

*Bài giải*

Chiều rộng khu đất là:

300 ×  = 100 (m)

Diện tích khu đất là:

300 × 100 = 30 000 (m2) = 3 (ha)

*Đáp số:* 30 000 m2; 3 ha.

- HS được bạn và GV nhận xét.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................

...............................................................................................................................

...............................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 ( TIẾT 3 + 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

### 1. Năng lực

- Việc ôn tập cuối học kì I giúp HS đánh giá được kết quả học tập của học kì đầu tiên theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học.

#### 1.1. Đọc

*a. Kĩ thuật đọc*

- Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

- Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.

- Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ).

- Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

*b. Đọc hiểu*

*-* Đọc hiểu văn bản văn học:

*+* Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.

+ Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

+ Hiểu chủ đề củ a văn bản.

+ Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.

+ Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.

+ Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.

+ Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

+ Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.

+ Nêu được những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, vở kịch,...

*–* Đọc hiểu văn bản thông tin:

*+* Nắ m được những thông tin chính của văn bản.

+ Xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.

+ Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết; biết tóm tắt văn bản.

+ Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hành động.

+ Nhận biết bố cục của văn bản: phần đầu, phần giữa (phần chính), phần cuối và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.

+ Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.

+ Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

+ Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

#### 1.2. Viết

a. Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo. Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện. Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách, một bộ phim hoạt hình đã xem,...

b. Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

c. Nhận biết được quy tắc viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Biết mở rộng vốn từ theo chủ điểm. Nhận biết đại từ và kết từ; từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; dấu gạch ngang và dấu gạch nối; biết sử dụng từ điển để tìm từ và tra nghĩa của từ, tra cứu các thông tin khác,... Vận dụng kiến thức đã học để sử dụn g từ phù hợp các ngữ cản h cụ thể, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.

**2. Phẩm chất**

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các phiếu học tập (theo nội dung các tiết 3, 4, ), thiết kế ô chữ (câu 2, Tiết

3– 4);

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Hoạt động 1:4’ Khởi động**

- Gv kiểm tra bài cũ.

- Nhận xét tuyên dương HS

- Dẫn dắt giới thiệu vào bài mới.

**2. Hoạt động 2: 30’Thực hành, luyện tập.**

**1. Dựa vào câu thơ gợi ý, đoán tên bài thơ, đọc thuộc lòng một đoạn thơ trong bài và nói lên cảm nghĩ của em về đoạn thơ đó.**

- GV cho HS hoạt động nhóm 4.

- GV mời 4 HS trả lời (dựa vào 4 câu thơ gợi ý).

**Dự kiến câu trả lời**:

*Tuổi Ngựa –* Xuân Quỳnh

*Trước cổng trời* – Nguyễn Đình Ảnh

*Th ế giới trong trang sách* – Huệ Triệu

*Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà* – Quang Huy

**2. Giải ô chữ: *Ai giỏi tiếng Việt?***

- GV có thể cho cả lớp làm chung, mỗi câu hỏi lại dành cho một HS xung phong trả lời. Hoặc GV cho làm theo nhóm, thi xem nhóm nào giải đúng và nhanh nhất.

- GV nhận xét và thống nhất đáp án.a. Ô chữ hàng ngang:



b. Ô chữ hàng dọc: **Từ đa nghĩa**

- GV vận dụng kiến thức nền của HS đã học để gọi HS nhắc lại khái niệm từ đa nghĩa, lấy ví dụ minh hoạ.

**3.** *a. Tìm các điệp từ, điệp ngữ được sử dụng trong đoạn trích ở bài tập.*

*b. Cho biết tác dụng của việc sử dụng các điệp từ, điệp ngữ này.*

- GV cho HS làm theo nhóm với nhiệm vụ:

- GV mời đại diện nhóm trình bày trước lớp.

- GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án:

a. (Phần điệp từ, điệp ngữ được in đậm). *Phượng* ***không phải*** *là một đoá,* ***không phải*** *vài cành; phượng đây là* ***cả một*** *loạt,* ***cả một*** *vùng,* ***cả một*** *góc trời đỏ rực. Mỗi hoa chỉ là một phần tử của xã hội thắm tươi; người ta quên đoá hoa, chỉ nghĩ* ***đến*** *cây,* ***đến*** *hàng,* ***đến*** *những tán hoa lớn xoè ra như muôn ngàn con bướm thắm đậu khít nhau.*

(Xuân Diệu)

b. Việc dùng các điệp từ, điệp ngữ trên có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp rực rỡ của hoa phượng; làm câu văn thêm hấp dẫn, tạo ấn tượng với người đọc,...

**4.** *Viết một đoạn văn ngắn (4 – 5 câu) nói về một cảnh vật mà em quan sát được , trong đó có sử dụng điệp từ, điệp ngữ.*

- GV gợi ý HS: Có thể tham khảo cách miêu tả hoa phượng của Xuân Diệu trong đoạn văn trên.

- GV dành thời gian cho HS tự viết đoạn văn, trao đổi nhóm để cùng đọc, nhận xét và GV tổ chức cho HS chia sẻ.

**5.** *Trò chơi: Đặt câu với cặp kết từ “nếu... thì...” hoặc “vì... nên...”.*

\* Bài tập này giúp HS ôn lại cách sử dụng các cặp kết từ. Phải hiểu nghĩa của từng cặp kết từ mình sử dụng thì mới đặt được các vế câu có sự phù hợp về mặt ngữ nghĩa với nhau.

- GV mời 1 HS đọc phần “Cách chơi”, sau đó mời 1 nhóm gồm 4 HS lên bảng làm theo mẫu.

- (GV có thể nối tiếp ví dụ mẫu: *Nếu chúng ta đặt mua vé trước – thì chúng ta sẽ có chỗ ngồi tốt,...*)

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để chuẩn bị theo đúng hướng dẫn.

- GV mời 1 số nhóm “nếu... thì...” thi với 1 số nhóm “vì... nên....”. Nhóm nào nối được nhiều câu nhất và có nhiều đáp án chuẩn và thú vị nhất sẽ là nhóm chiến thắng. GV cho HS bình chọn nhóm có đáp án thú vị nhất.

GV tổng kết, nhận xét và củng cố.

**4. Hoạt động 4:4’ Vận dụng, trải nghiệm**

- GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách.

+ Bài học này các em đã được học những nội dung nào?

- GV khen ngợi những HS tích cực đóng góp cho tiết học

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Thứ ba ngày 7 tháng 1 năm 2025***

**TIẾNG VIỆT**

**THI ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 1**

**TOÁN**

**THI ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 1**

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ**

## **Bài 14: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 (2 TIẾT)**

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

#### 1. Kiến thức

- Sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh, . . .) kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn, . . . trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 .

- Kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp.

**2. Năng lực**

– Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà .

+ Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập .

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực nhận thức lịch sử thông qua việc kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn trong Cách mạng tháng Tám năm 1945; kể lại được một số câu chuyện về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi viết và đọc Tuyên ngôn Độc lập, chuyện về Kim Đồng, Võ Nguyên Giáp .

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm một số tư liệu (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh,…) để tìm hiểu về kể lại được thắng lợi ở một số địa phương lớn trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 .

#### 3. Phẩm chất

- Thông qua bài học, HS phát triển được các phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc .

- Lòng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc đấu tranh vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc .

- Trách nhiệm thông qua việc biết trân trọng và giữ gìn những thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945 .

### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, lược đồ, phim tài liệu, . . . về Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Tư liệu về Hồ Chí Minh khi hoạt động ở Pác Bó, Tân Trào, khi về Hà Nội viết và đọc *Tuyên ngôn Độc lập*; tư liệu về Kim Đồng, về Võ Nguyên Giáp, . . .

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**1. Hoạt động khởi động: 4’**

\* Phương án 1:

- Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát hình 1 trong SGK và chia sẻ những hiểu biết về địa danh được giới thiệu trong hình, cũng như hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian ở Pác Bó (Cao Bằng) .

- Bước 2: HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi trong SGK bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh trong thời gian 3 phút .

- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có) .

- Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học mới .

\* Phương án 2 :

- Bước 1: GV cho cả lớp nghe một đoạn trong bài hát *“Mười chín tháng Tám”* của nhạc sĩ Xuân Oanh và trả lời câu hỏi: *Nội dung bài hát nói về sự kiện nào của dân tộc?*

“Toàn dân Việt Nam đứng đều lên góp sức một ngàу . Thề đem xương máu quуết lòng chiến đấu cho tương lai .

…

Mười chín tháng Tám, chớ quên là ngàу khởi nghĩa . Hạnh phúc sáng tỏ, non sông Việt Nam” .

- Bước 2: HS nghe bài hát và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

- Bước 3: GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thông tin (nếu có) .

- Bước 4: GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học mới .

##### **2. Hoạt động khám phá: 30’**

***2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945***

- Bước 1: GV dẫn dắt: Sau khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh, Đảng và Bác Hồ đã kêu gọi toàn dân đứng lên Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước . GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp đôi hoặc nhóm, đọc thông tin mục 1 trong SGKvà thực hiện yêu cầu:

*+ Kể tên một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

*+ Kể lại một sự kiện diễn ra trong Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, Huế hoặc Sài Gòn* .

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo quy trình như sau: HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, ghi lại thông tin ra giấy trong thời gian 3 phút; sau đó HS trao đổi với bạn cùng cặp hoặc nhóm để thống nhất ý kiến .

- Bước 3:

+ GV gọi 1 – 2 cặp đôi hoặc nhóm kể tên một số thắng lợi tiêu biểu trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 .

+ GV gọi 3 cặp đôi hoặc nhóm kể lại một sự kiện trong Cách mạng tháng Tám ở Hà Nội, Huế hoặc Sài Gòn.

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá các cặp và việc thảo luận của cả lớpvà chốt lại nội dung: Cách mạng tháng Tám đã giành thắng lợi ở nhiều địa phương trong cả nước, trong đó đặc biệt là ở những thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

- Bước 5: GV đặt câu hỏi nâng cao nhận thức cho HS: *Thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã có tác dụng gì đối với cuộc Tổng khởi nghĩa trong cả nước?*

+ HS suy nghĩ và trả lời theo hiểu biết . GV chốt lại ý: Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã có tác dụng cổ vũ nhân dân các địa phương khác đứng lên giành chính quyền, và chỉ trong vòng nửa tháng các địa phương trong cả nước đã giành được chính quyền về tay nhân dân . Cách mạng thắng lợi, đất nước ta thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp, trở thành một nước độc lập, tự do .

**3. Hoạt động vận dụng**

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông qua sách, báo và các phương tiện thông tin đại chúng khác để biết được: Ngày 22 – 12 hằng năm được chọn là ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam . Đây chính là ngày thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (22 – 12 – 1944) – tổ chức tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam được giới thiệu trong bài học .

- GV có thể cho HS tìm hiểu để biết về các hoạt động thường được tổ chức trong dịp 22 – 12 hằng năm tại trường của mình .

- GV cũng có thể gợi ý cho HS đóng vai là hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu các di tích lịch sử có liên quan đến sự chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám và những di tích lịch sử có liên quan trực tiếp trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở địa phương .

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….............

***Thứ tư ngày 8 tháng 1 năm 2025***

**TOÁN**

**ÔN TẬP ĐO LƯỜNG ( tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhớ được các đơn vị đo độ dài, diện tích, khối lượng, thời gian và mối quan hệ giữa các đơn vị.

- HS đổi được các đơn vị đó và vận dụng trong một số tình huống cụ thể.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học,...

**+ Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**+ Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bài giảng điện tử.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Hoạt động Mở đầu: 4’**

- HS tham gia trò chơi “Tiếp sức”.

+ HS trong lớp được chia làm 3 – 4 đội, mỗi đội 6 bạn.

+ 6 HS lần lượt lên bảng, điền số thập phân thích hợp vào các bảng phụ.

(Bài 1a trang 131 – SGK Toán 5 tập một).

- HS và GV cùng chấm kết quả của các đội.

- 2 – 3 HS giải thích lí do đưa ra đáp án hoặc nêu cách thực hiện.

- Đội nhanh nhất và đúng nhất sẽ giành được chiến thắng.

**2. Thực hành, luyện tập: 24’**

***Bài 1b***

- Tương tự như cách viết số thập phân vào ô trống ở câu a, HS trình bày câu b vào vở.

- HS nối tiếp nhau nêu đáp án ở câu b:

 5 m2 18 dm2 = 5,18 m2 236 dm2 = 2,36 m2 80 mm2 = 0,8 cm2

48m2 9 ha = 48,09 km2 345 ha = 3,45 km2 52 ha = 0,52 km2

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS cần lưu ý về mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích.

***Bài 2***

- HS đọc đề bài, thảo luận theo nhóm đôi, sử dụng hình vẽ/sơ đồ để thể hiện bài toán.

- 1 – 2 HS trình bày bài làm.

*Bài giải*

Đoạn đường lên dốc dài số mét là:

650 × 2 = 1 300 (m)

Đoạn đường từ nhà Hùng đến trường dài số mét là:

650 + 1 300 = 1 950 (m)

Đổi: 1 950 m = 1,95 km

*Đáp số:* 1,95 km.

- HS được bạn và GV nhận xét.

***Bài 3***

- HS đọc đề bài rồi thực hiện giải bài toán vào vở.

- 2 HS trình bày bài giải.

 *Cách 1: Bài giải*

Diện tích rừng đặc chủng là:

128 ×  = 112 (ha)

Diện tích khu vui chơi và dịch vụ là:

128 – 112 = 16 (ha)

Đổi: 16 ha = 0,16 km2

*Đáp số:* 16 ha; 0,16 km2.

 *Cách 2:*  *Bài giải*

Phân số chỉ diện tích khu vui chơi và dịch vụ là:

 1 – 7 = 1 (diện tích rừng)

 8 8

Diện tích khu vui chơi và dịch vụ là:

128 ×  = 16 (ha)

Đổi: 16 ha = 0,16 km2

*Đáp số:* 16 ha; 0,16 km2.

- HS được bạn và GV nhận xét.

**3. Vận dụng, trải nghiệm: 7’**

***Bài 4***

- HS đọc đề bài rồi thực hiện làm bài vào vở.

- 1 – 2 HS làm bài vào bảng phụ rồi nêu đáp án.

- HS được bạn và GV nhận xét, thống nhất kết quả (a) 50; b) 35; c) 80).

- HS nhắc lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................

...............................................................................................................................

...............................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 ( TIẾT 5)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

### 1. Năng lực

- Việc ôn tập cuối học kì I giúp HS đánh giá được kết quả học tập của học kì đầu tiên theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học.

#### 1.1. Đọc

*a. Kĩ thuật đọc*

- Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

- Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.

- Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ).

- Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

*b. Đọc hiểu*

*-* Đọc hiểu văn bản văn học:

*+* Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.

+ Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

+ Hiểu chủ đề củ a văn bản.

+ Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.

+ Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.

+ Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.

+ Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

+ Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.

+ Nêu được những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, vở kịch,...

*–* Đọc hiểu văn bản thông tin:

*+* Nắ m được những thông tin chính của văn bản.

+ Xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.

+ Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết; biết tóm tắt văn bản.

+ Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hành động.

+ Nhận biết bố cục của văn bản: phần đầu, phần giữa (phần chính), phần cuối và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.

+ Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.

+ Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

+ Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

#### 1.2. Viết

a. Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo. Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện. Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách, một bộ phim hoạt hình đã xem,...

b. Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

c. Nhận biết được quy tắc viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Biết mở rộng vốn từ theo chủ điểm. Nhận biết đại từ và kết từ; từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; dấu gạch ngang và dấu gạch nối; biết sử dụng từ điển để tìm từ và tra nghĩa của từ, tra cứu các thông tin khác,... Vận dụng kiến thức đã học để sử dụn g từ phù hợp các ngữ cản h cụ thể, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.

**2. Phẩm chất**

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các phiếu học tập (theo nội dung các tiết 5),

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Hoạt động 1: 4’Khởi động**

- Gv kiểm tra bài cũ.

- Nhận xét tuyên dương HS

- Dẫn dắt giới thiệu vào bài mới.

**2. Hoạt động 2:30’ Thực hành, luyện tập.**

**1.** *Trao đổ i với bạn về nội dung của một cuốn sách viết về một tấm gương học tập.*

\* Bài luyện nói này có mục đích giúp HS thể hiện sự hiểu biết của mình, phát triển khả năng diễn đạt và tư duy. Đồng thời, đây cũng là phần chuẩn bị cho bài tập 2, HS viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách em đã đọc.

- GV căn cứ vào mức độ mạch lạc trong sự trình bày, sự hấp dẫn trong cách thể hiện bài nói để nhận xét, đánh giá HS.

- Giao HS làm việc nhóm, đọc kĩ phần gợi ý trong sá ch, nói cho nhau nghe.

- Yêu cầu một số HS trình bày trước lớp. GV nhận xét, góp ý.

**2.** *Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách em đã đọc.*

- GV hướn g dẫn HS thực hiện ; có thể gợi ý thêm: nhân vật tài năng sẽ bao gồm cả những tấm gương trong học tập hoặc trong chiến đấu,...

- GV quan sát HS làm bài, trợ giúp khi các em cần.

**3.** *Trao đổi với bạn để góp ý cho nhau rồi chỉnh sửa bài viết.*

- HS trao đổi bài với bạn, cùng góp ý cho nhau.

- GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS.

- Nếu HS nào làm bài chưa xong, GV nhắc HS về nhà hoàn thành.

- GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập.

**4. Hoạt động 4:4’ Vận dụng, trải nghiệm**

- GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách.

+ Bài học này các em đã được học những nội dung nào?

- GV khen ngợi những HS tích cực đóng góp cho tiết học

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KHOA HỌC**

# Bài 16: VÒNG ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỘNG VẬT ( tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Năng lực khoa học tự nhiên:*

- Sử dụng sơ đồ đã cho, ghi chú được vòng đời của một số động vật đẻ trứng và đẻ con.

- Trình bày được sự lớn lên của con non nở ra từ trứng và con non được sinh ra từ thú mẹ.

*Cơ hội hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực chung:*

- Tự chủ và tự học: Tích cực, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao, chia sẻ nội dung tìm hiểu về vòng đời ở một số động vật.

- Giao tiếp và hợp tác: Tự tin khi trình bày ý kiến thảo luận. Hợp tác với bạn trong các hoạt động thảo luận nhóm nói và chia sẻ về vòng đời và sự phát triển ở động vật.

- Chăm chỉ, trách nhiệm: Chăm chỉ, trách nhiệm trong hoạt động tìm hiểu và các hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Hình ảnh minh hoạ các nội dung liên quan đến bài học về vòng đời của một số động vật đẻ trứng và đẻ con như SGK.

- Dụng cụ chiếu tranh, ảnh lên màn ảnh (nếu có), video về vòng đời ở một số động vật; video câu chuyện nòng nọc tìm mẹ, Phiếu học tập số 1.

- Bảng nhóm đủ số lượng cho mỗi nhóm (hoặc thẻ trống để HS viết).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Hoạt động 1:5’ Khởi động**

- GV tổ chức HS chơi trò chơi *Truyền điện*

+ GV cho 2 đội chơi, mỗi đội 4 – 5 em.

+ GV sẽ nêu tên một con vật rồi chạm tay vào vai 1 HS trong nhóm, HS trong nhóm ngay lập tức sẽ nêu tên một giai đoạn trong vòng đời của động vật đó rồi chạm vào HS tiếp theo trong nhóm, HS tiếptheo sẽ nêu tên giai đoạn phát triển kế tiếp trong vòng đời của động vật đó trong thời gian không quá 5 giây, cứ như thế đến giai đoạn ban đầu thì dừng lại.

+ GV có thể lựa chọn các con vật quen thuộc hoặc các con vật trong tiết trước như muỗi, gà, cá, bướm,…

- GV cùng HS đánh giá kết quả các đội chơi

- GV tổng kết trò chơi về tên các giai đoạn trong vòng đời của động vật đẻ trứng và chuyển tiếp bài: Vậy động vật đẻ con thì các giai đoạn phát triển trong vòng đời giống hay khác động vật đẻ trứng ở những điểm nào. Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về vòng đời và sự phát triển ở động vật đẻ con.

**2. Hoạt động 2: 18’Hình thành kiến thức**

**2.2. Vòng đời và sự phát triển của động vật đẻ con**

- GV tổ chức cho HS theo nhóm đôi quan sát hình 4, đọc thông tin về vòng đời của chó và thực hiện nhiệm vụ trang 62.

- GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trả lời.

- GV cùng HS thống nhất đáp án.

- GV chốt thông tin về các giai đoạn trong vòng đời của chó: chó trưởng thành; phôi, thai; chó con mới sinh; chó con.

**3. Hoạt động 3: 12’Luyện tập**

**HĐ1**

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi thực hiện nhiệm vụ mục trang 63 tìm hiểu về sự phát triển của con vật và vẽ sơ đồ ghi chú các giai đoạn trong vòng đời của con vật đó vào Phiếu học tập trong thời gian 7 phút.

- GV phát phiếu, hướng dẫn HS hoàn thành.

- GV thu phiếu của các nhóm, lựa chọn 1 – 2 đại diện HS trình bày kết quả.

- GV kết luận về các giai đoạn phát triển trong vòng đời của động vật đẻ con.

- Từ vòng đời một số động vật đẻ con, GV chốt và ghi bảng:

– Đại diện HS chia sẻ nhiệm vụ trước lớp, các HS khác nhận Ở động vật đẻ con, con non mới được sinh ra được nuôi bằng sữa mẹ đến khi có thể tự kiếm ăn và phát triển thành con trưởng thành

+ Các giai đoạn trong vòng đời của động vật đẻ con:

 (1) Con trưởng thành → (2) Thai → (3) Con mới được → (4) Con con cá voi

GV tổ chức cho HS đọc thêm thông tin em có biết về sinh ra

+ Con trưởng thành to lớn, có khả năng sinh sản; Giai đoạn

- GV nhấn mạnh thêm, vậy vòng đời của cá voi sẽ không thai phát triển trong cơ thể mẹ; Con non mới sinh ra được giống như các loài cá thông thường mà sẽ có các giai mẹ nuôi bằng sữa mẹ; Con con có thể tự kiếm ăn,… đoạn như động vật đẻ con.

- HS lắng nghe và ghi vào vở

**-** Đại diện HS đọc to, HS cả lớp lắng nghe

**HĐ2**

*Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học tìm hiểu và ghi chú được vòng đời của một số động vật

*Cách tiến hành:*

- GV tổ chức HS chơi trò chơi ô chữ bí mật:

- HS nghe luật chơi

+ Chia lớp thành 2 đội chơi với 7 ô chữ bí mật hàng ngang.

- Quan sát, nghe các gợi ý của mỗi ô chữ và trả lời

+ Mỗi ô chữ hàng ngang là một nội dung kiến thức đã học 1 Đ và kèm theo lời gợi ý

+ Mỗi nhóm tham gia chơi phải giơ tay để giành được quyền trả lời

+ Nhóm nào trả lời nhanh và đúng thì sẽ ghi được 10 điểm

+ Nhóm nào trả lời sai thì nhường quyền trả lời cho nhóm khác

+ Nhóm nào ghi được nhiều điểm nhất thì là nhóm thắng cuộc

- GV tổ chức cho HS giải các ô chữ bí mật sử dụng các gợi ý dưới đây:

1. Bò, chó, lợn,… thuộc nhóm động vật nào?

2. Đây là tên giai đoạn chuyển từ ấu trùng muỗi sang muỗi trưởng thành

- HS lắng nghe gợi ý và xung phong trả lời: 1 – ĐẺ CON; 2 – NHỘNG; 3 – TRỨNG; 4 – TRƯỞNG THÀNH; 5 – VÒNG ĐỜI; 6 – MẬP; 7 – THAI.

3.Muỗi đẻ ra gì?

4. Đây là tên một giai đoạn trong vòng đời ở động vật mà lúc này chúng có khả năng sinh sản.

5. Khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo ra các cá thể mới, già đi rồi chết gọi là gì ?

6. Tên một loài cá sống ở biển, tên nghe rất béo, mắt thì rất tinh

7. Đây là tên giai đoạn phát triển ở động vật đẻ con nằm trong cơ thể mẹ.

- GV tổng kết điểm và khen ngợi hoặc có phần quà dành – HS cùng theo dõi và đánh giá kết quả các nhóm. cho nhóm thắng cuộc.

- GV nhận xét và tuyên dương các nhóm làm việc tốt.

**4. Hoạt động 4: 4’Vận dụng, trải nghiệm**

- GV tổ chức cho HS tổng kết bài học theo nội dung mục “Em đã học” và “Em có thể”.

- GV nhận xét tiết học.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Thứ năm ngày 9 tháng 1 năm 2025***

**CÔNG NGHỆ**

**THI ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 1**

**LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ**

**THI ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 1**

**KHOA HỌC**

**THI ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 1**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**HĐGD THEO CĐ: NGHỀ MƠ ƯỚC CỦA EM**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Tìm hiểu được về an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước.
* Trình bày được ước mơ nghề nghiệp của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* Tìm hiểu được an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước.
* Trình bày được mơ ước nghề nghiệp của bản thân.

**3. Phẩm chất**

* *Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giấy A3, bút, bút màu.
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1 HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 5’**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *“Ai? Dùng làm gì?”*

- GV mời HS trình chiếu cho HS xem video về đồ dùng bảo hộ lao động và trả lời câu hỏi

https://youtu.be/G6brjIXEtSM

*+ Đồ vật này dùng để làm gì?*

*+ Những ai cần sử dụng nó?*

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án: *Đây là các thiết bị bảo hộ lao động. Những người thực hiện công việc mỗi ngành nghề đều có những yêu cầu mặc và sử dụng các dụng cụ này để đảm bảo an toàn cho bản thân.*

- GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học:*Qua phần xem video và trả lời câu hỏi, chúng ta thấy mỗi ngành nghề cần sử dụng các thiết bị bảo đảm an toàn khác nhau. Để tìm hiểu về những quy tắc an toàn và những thiết bị bảo hộ lao động trong mỗi nghề.* *Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –****Tuần 18 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Nghề em mơ ước.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: 30’**

**Hoạt động 1: Trao đổi về an toàn nghề nghiệp**

- GV chia lớp thành các nhóm (4 – 6 HS) và yêu cầu: *Chia sẻ với các bạn trong nhóm về kết quả phỏng vấn người đang làm nghề mình mơ ước.*

- GV mời đại diện một số nhóm chia sẻ kết quả trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).



- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm có cùng nghề mơ ước: *Thảo luận về an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước theo gợi ý:*

*+ Nguy cơ gây mất an toàn lao động.*

*+ Những lưu ý đảm bảo an toàn nghề nghiệp.*



- GV mời một số HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV tóm lược lại các nội dung về an toàn nghề nghiệp dựa vào những thông tin HS chia sẻ.



- GV kết luận: *Mỗi nghề đều có những đặc thù riêng về lao động nghề nghiệp. An toàn lao động là việc phòng chống tác động của các yếu tố có nguy cơ gây mất an toàn để bảo đảm không xảy ra thương tật đối với con người trong quá trình lao động. An toàn trong lao động nghề nghiệp là hết sức quan trọng, là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định sự thành công trong lao động của mỗi nghề.*

**Hoạt động 2: Thuyết trình về mơ ước mơ nghề nghiệp**

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để chuẩn bị nội dung thuyết trình về nghề mơ ước.

- GV hướng dẫn HS:

*+ Lựa chọn những nội dung về nghề mơ ước để đưa vào thuyết trình:*

* *Công việc chính của nghề.*
* *Yêu cầu cần thiết của nghề.*
* *Lưu ý đảm bảo an toàn nghề nghiệp...*

*+ Lựa chọn hình thức trình bày:*

* *Vẽ sơ đồ tư duy.*
* *Viết tóm lược ý chính...*

- GV trình chiếu cho HS quan sát sơ đồ tham khảo:

- GV tổ chức cho HS tiến hành chuẩn bị nội dung thuyết trình về nghề em mơ ước, khuyến khích HS trình bày sáng tạo, ấn tượng.

- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp: *Xác định những việc em cần làm để đạt được ước mơ nghề nghiệp.*

- GV ghi lại các ý chính lên bảng phụ và tổng kết, khuyến khích HS tích cực thực hiện những việc làm để đạt được ước mơ nghề nghiệp.

 ………………..

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………

**TOÁN**

**BÀI 35. ÔN TẬP CHUNG ( tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS ôn tập lại khái niệm về hỗn số, cách chuyển đổi phân số thành số thập phân, thực hiện tính cộng trừ với phân số.

- HS vận dụng được các tính chất của phân số trong tính bằng cách thuận tiện.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học,...

**+ Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**+ Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bài giảng điện tử.

- Một số bảng phụ và bút dạ.

- Video, hình ảnh về chương trình “Kế hoạch nhỏ” của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động Mở đầu: 5’**

- HS kể tên các loại số đã học: số tự nhiên, phân số, hỗn số, số thập phân.

- 2 HS nêu hỗn số trong bảng phụ (1) và bảng phụ (2).

- HS nêu và giải thích cấu tạo của hỗn số vừa đọc:

+ Hỗn số 2 và  bao gồm 2 là phần nguyên,  là phần phân số.

+ Hốn số 2 và  bao gồm 2 là phần nguyên,  là phần phân số.

**2. Thực hành, luyện tập: 30’**

***Bài 1***

b) - HS đọc đề bài, phân tích mẫu rồi làm bài vào vở.

- 1 – 3 HS trình bày bài làm của mình.

 2 5 x 5 + 2 27 7

5 = = ; 4 = =

5 5 5 10



6 13 = =

 100

- HS được bạn và GV nhận xét.

c) - HS đọc đề bài và phân tích mẫu rồi làm vào vở.

- 3 HS đọc to kết quả của mình để cả lớp đối chiếu kết quả.

 96 192 327 109 204 1632

 = = 1,92; = = 1,09; = = 1,632.

1. 100 300 100 125 1000

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS nêu lại cách đổi từ phân số sang số thập phân.

***Bài 2***

- HS đọc đề bài.

- HS thực hiện làm bài vào vở.

- 4 HS nêu kết quả.

 5 3 20 21 41 4 2 28 18 46

 + = + = ; + = + = .

 7 4 28 28 28 9 7 63 63 63

4 2 12 10 2 5 3 40 27 1

 – = – = ; – = – = .

5 3 15 15 15 9 8 72 72 72

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS lưu ý: Muốn thực hiện tính cộng, trừ các phân số ta cần đưa chúng về cùng mẫu số rồi thực hiện lấy tử số cộng hoặc trừ tử số, giữ nguyên mẫu số.

***Bài 3***

- HS đọc đề bài.

- HS thực hiện giải bài toán vào vở.

- 2 HS chữa bài trên bảng phụ.

a) 5 + 8 + 2 =  5 + 2  + 8 = 1 + 8 = 19 .

1. 11 7  7 7  11 11 11

b) 2 × 4 + 2 × 5 = 2 ×  4 + 5 = 2 × 1 = .

 7 9 7 9 7  9 9  7

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS nêu lại các tính chất của phân số vừa áp dụng để tính thuận tiện: Tính chất giao hoán và kết hợp (câu a); tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng (câu b).

***Bài 4***

- HS đọc đề bài.

- HS thảo luận nhóm đôi, tìm ra cách làm bài phù hợp rồi làm bài vào vở.

- 1 – 2 HS trình bày bài làm.

*Bài giải*

Số giấy vụn lớp 5B đã thu gom được là:

45 ×  = 30 (kg)

Số giấy vụn lớp 5C đã thu gom được là:

30 – 15 = 15 (kg)

Cả ba lớp thu được số ki-lô-gam giấy vụn là:

45 + 30 + 15 = 90 (kg)

Số vở tái chế làm được từ 90 kg giấy vụn là:

15 × 90 = 1 350 (cuốn)

*Đáp số:* 1 350 cuốn.

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS được xem tranh, ảnh, nghe số liệu và ý nghĩa về hoạt động “Kế hoạch nhỏ” của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................

..............................................................................................................................................................................................................................................................

***Thứ sáu ngày 10 tháng 1 năm 2025***

**TOÁN**

**BÀI 35. ÔN TẬP CHUNG ( tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhớ được các đơn vị đo độ dài, diện tích, khối lượng, thời gian và mối quan hệ giữa các đơn vị.

- HS đổi được các đơn vị đó và vận dụng trong một số tình huống giải toán cụ thể.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học,...

**+ Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**+ Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bút dạ bảng, nam châm gắn bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Hoạt động Mở đầu: 4’**

- HS kể tên các đơn vị đo độ dài, diện tích, khối lượng, thời gian và mối quan hệ giữa các đơn vị.

- HS đổi được các đơn vị đo ở phiếu bài tập

- GV dẫn dắt giới thiệu vào bài.

**2. Thực hành, luyện tập: 30’**

- HS trong lớp được chia đội để tham gia trò chơi “Chinh phục tri thức”. Mỗi lớp chia làm 3 – 4 đội, tuỳ theo sĩ số. Các thành viên trong đội sẽ cùng cố gắng tham gia chơi, mang điểm về cho đội mình. Cuối các phần chơi, đội nào được nhiều điểm nhất sẽ giành chiến thắng.

***Thử thách 1: Khởi động (Bài 1)***

- HS mỗi đội tham gia trò chơi “Tiếp sức”: Từng thành viên trong đội lần lượt lên bảng, gắn thẻ số hoặc cách đọc số tương ứng với các số được đặt sẵn trên bảng.

- HS và GV cùng chấm kết quả của các đội.

- 2 – 3 HS nêu lại cách đọc, viết số thập phân.

- Các đội được tặng điểm.

***Thử thách 2: Vượt chướng ngại vật (Bài 2)***

- Các đội lần lượt nhận bảng phụ có nội dung bài tập 2. Các thành viên cùng thảo luận, chia việc để đội mình hoàn thành nhanh và đúng.

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS cần lưu ý về cách so sánh hai số thập phân.

***Thử thách 3: Hợp lực (Bài 3)***

- Các thành viên trong đội lần lượt nhận phiếu bài tập có nội dung đặt tính rồi tính như bài 3 trang 136 – SGK Toán 5 tập một). Tất cả các thành viên cùng thực hiện tính cá nhân. Sau khi tính xong, các thành viên đổi bài, kiểm tra kết quả rồi dán phiếu bài tập của nhóm lên bảng báo cáo. Nhóm nào xong sẽ dán lên trên bảng.

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS lưu ý cách đặt tính với phép cộng và phép nhân; đánh dấu phẩy ở vị trí tích hoặc thương trong phép nhân, chia.

***Thử thách 4: Tăng tốc (Bài 4)***

- HS đọc đề bài rồi thực hiện giải bài toán.

- Các thành viên trong đội nhanh chóng lên điền kết quả vào ô trống.

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS lưu ý cách tính chu vi, diện tích của hình tròn.

***Thử thách 5: Về đích (Bài 5)***

- HS đọc đề bài rồi thực hiện làm bài vào vở, mỗi đội 1 HS làm bài vào bảng phụ. Sau khi làm xong, các thành viên trong đội kiểm tra, đối chiếu kết quả với nhau rồi dán kết quả lên bảng.

- 1 – 2 HS nêu đáp án.

- HS được bạn và GV nhận xét.

- HS nhắc lại phương pháp giải của bài toán.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

...............................................................................................................................

...............................................................................................................................

...............................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 ( tiết 6 + 7)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

### 1. Năng lực

- Việc ôn tập cuối học kì I giúp HS đánh giá được kết quả học tập của học kì đầu tiên theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học.

#### 1.1. Đọc

*a. Kĩ thuật đọc*

- Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

- Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.

- Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ).

- Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

*b. Đọc hiểu*

*-* Đọc hiểu văn bản văn học:

*+* Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.

+ Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.

+ Hiểu chủ đề củ a văn bản.

+ Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.

+ Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.

+ Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.

+ Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

+ Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.

+ Nêu được những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, vở kịch,...

*–* Đọc hiểu văn bản thông tin:

*+* Nắ m được những thông tin chính của văn bản.

+ Xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.

+ Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết; biết tóm tắt văn bản.

+ Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hành động.

+ Nhận biết bố cục của văn bản: phần đầu, phần giữa (phần chính), phần cuối và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.

+ Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.

+ Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

+ Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.

#### 1.2. Viết

a. Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo. Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện. Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách, một bộ phim hoạt hình đã xem,...

b. Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

c. Nhận biết được quy tắc viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Biết mở rộng vốn từ theo chủ điểm. Nhận biết đại từ và kết từ; từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; dấu gạch ngang và dấu gạch nối; biết sử dụng từ điển để tìm từ và tra nghĩa của từ, tra cứu các thông tin khác,... Vận dụng kiến thức đã học để sử dụn g từ phù hợp các ngữ cản h cụ thể, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.

**2. Phẩm chất**

- Góp phần hình thành phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu đề kiểm tra tham khảo (Tiết 6 – 7) để HS luyện tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Hoạt động 1:4’ Khởi động**

- Gv kiểm tra bài cũ.

- Nhận xét tuyên dương HS

- Dẫn dắt giới thiệu vào bài mới.

**2. Hoạt động 2:30’ Hình thành kiến thức**

\*Sách có giới thiệu đề kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối học kì. GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

- Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi trả lời miệng);

- Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết);

- Viết một đoạn văn hoặc bài văn theo yêu cầu nêu trong Chương trình môn Tiếng Việt 5;

- HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện của lớp. Gợi ý hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo trong sá ch:

**A. Đọc I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.**

- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động kiểm tra đọc thành tiếng bài *Bố đứng nhìn biển cả*, nghe GV giới thiệu sơ lược bài đọc và giải thích một số từ ngữ khó (nếu HS không hiểu).

- HS đọc bài và trả lời câu hỏi.

**Câu 1.** Khi ra biển cùng bố, người con thường thả diều, học môn hình học, lấy ống nhòm khám phá biển khơi.

**Câu 2.** Câu thơ thể hiện niềm vui, sự tin tưởng của bố về tương lai con là *Theo con nhìn tương lai/*

*Khấp khởi mừng trong dạ.*

**II. Đọc hiểu**

- HS đọc thầm bài *Những điều thú vị về chim di cư* và thực hiện các yêu cầu.

GV tổ chức cho HS trình bày (lần lượt theo từng câu: 1 HS hỏi, 1 HS trả lời) và cùng HS chốt đáp án (câu 1 – 5)

**Dự kiến câu trả lời:**

**Câu 1**. T*heo bài đọc, chim di cư có tập tính gì?* => Chim di cư có tập tính di chuyển đều đặn theo mùa và theo những đường bay cụ thể.

 **Câu 2**. *Kể tên một số loài chim di cư.*

=> Tên một số loài chim di cư là: diều hâu, bồ nông, bồ câu, nhạn biển, hải âu,...

**Câu 3**. *Có mấy lí do khiến chim di cư? Đó là những lí do nào?*

=> Có 3 lí do khiến chim di cư. Đó là: (1) tránh cái lạnh của mùa đông; (2) đi theo chuỗi thức ăn của chúng; (3) sinh sản và nuôi con một cách dễ dàng.

**Câu 4**. *Vì sao chim di cư bay rất xa nhưng vẫn tìm được đường về nhà?*

=> Chim di cư tìm được đường về nhà vì chúng có thể tự định hướng bằng cách (1) quan sát vị trí của Mặt Trời và những vì sao; (2) dựa vào những mốc lớn như đường cao tốc hay bờ biển, dãy núi

**Câu 5**. *Trong câu “Như vậy, năng lượng, thức ăn và sự sinh sản chính là chìa khoá để các nhà khoa học giải mã hành vi thú vị này ở loài chim.”, “hành vi thú vị này” là hành vi nào?* => Đáp án: C. di cư

**Câu 6.** *Lập sơ đồ cấu trúc bài đọc.*

**Câu 7.***Những từ ngữ nào được dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư?*

- Những từ ngữ dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư là *trước hết; thứ hai; một lí do nữa; như vậy.*

**Câu 8.** *Dấu gạch ngang trong câu dưới đây được dùng để làm gì?*

“Các loại hoa trái, côn trùng, sâu bọ hoặc động vật cỡ nhỏ – “thực đơn” yêu thích của chúng – sẽ trở nên khan hiếm vào mùa đông”.

Đáp án B. Dùng để đánh dấu phần chú thích.

**Câu 9.** *Có thể dùng từ ngữ nào để thay thế cho từ “nhà” trong câu: “Nhờ có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường như vậy, các loài chim dù di cư rất xa vẫn quay trở về đúng “nhà” của mình.”?* Có thể dùng từ “tổ” thay cho “nhà” (từ này vốn để chỉ chỗ ở của loài chim).

**Câu 10**. *Viết một câu về chim di cư, trong câu có sử dụng 1 kết từ.*

- GV cho HS lên bảng viết câu và chỉ rõ kết từ trong câu.

- Tổ chức cho HS nhận xét, bình chọn câu viết hay, sáng tạo, điều chỉnh hoặc gợi ý HS tự sửa chữa nếu dùng kết từ chưa phù hợp (nếu có).

**B. Viết**

- HS chọn 1 đề trong 2 đề bài đã cho:

- Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc hoặc bộ phim hoạt hình em đã xem.

**Đề 2:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ ca ngợi tình cảm gia đình.

\* Các dạng đề này HS đã được hướng dẫn cách làm và thực hành qua nhiều tiết học nên GV có thể yêu cầu HS viết vào giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn. Lưu ý: GV chú ý những HS còn hạn chế về học tập để hướng dẫn, sửa chữa.

- GV gọi cá nhân các nhóm trình bày, nhận xét, bình chọn đoạn viết hay.

- GV đề nghị sửa chữa với những bài viết chưa đạt yêu cầu (nếu có) theo phiếu học tập gợi ý dưới đây:

**Phiếu học tập**

Với đoạn văn em đã viết, hãy dựa vào các tiêu chí dưới đây để nhận xét, đánh giá chỗ chưa đạt và chỗ cần điều chỉnh:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tiêu chí đánh giá** | **Chưa đạt** | **Cần điều chỉnh** |
| 1 | Cách mở đầu đoạn văn | ................. ................. | ................. ................. |
| 2 | Cách giới thiệu nhân vật trong sách/phim (Đề 1); thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ ca ngợi tình cảm gia đình (Đề 2) | ...................................................................................................... | ...................................................................................................... |
| 3 | Cách kết thúc đoạn văn | ................. ................. | ................. ................. |
| 4 | Cách lựa chọn và đưa dẫn chứng | ................. ................. | ................. ................. |
| 5 | Cách dùng từ, đặt câu | ................. ................. | ................. ................. |
| 6 | Có dùng biện pháp so sánh, nhân hóa | ................. ................. | ................. ................. |
| 7 | .............................. | ................. | ................. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SHL: HỎI – ĐÁP VỀ NGHỀ NGHIỆP**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau bài học này, HS sẽ:*

* Tìm hiểu được về an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước.
* Trình bày được ước mơ nghề nghiệp của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* Tìm hiểu được an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước.
* Trình bày được mơ ước nghề nghiệp của bản thân.

**3. Phẩm chất**

* *Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giấy A3, bút, bút màu.
* Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: 12’Hoạt động tổng kết tuần**

- GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 17 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 18.

- GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.

**Hoạt động 2: Trò chơi: Hỏi - đáp về nghề nghiệp.**

* Tham gia trò chơi Hỏi – đáp về nghề nghiệp

+ Chia lớp thành các đội chơi.

+ Lần lượt từng đội chơi đặt câu hỏi về nghề nghiệp trong cuộc sống.

+ Các đội còn lại rung chuông giành quyền trả lời. Đội có tín hiệu trả lời sớm nhất sẽ được trả lời.

+ Kết thúc các lượt chơi, đội trả lời đúng nhiều nhất là đội chiến thắng.



- Chia sẻ cảm xúc của em sau khi tham gia trò chơi.

**\* CỦNG CỐ**

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.

- GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.

**\* DẶN DÒ**

- GV nhắc nhở HS:

+ Xây dựng ý tưởng tiếp tục phát triển dự án.

+ Chuẩn bị trước ***Tuần 19***

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

……………………………………………………………………………

**BGH ký duyệt Tổ trưởng duyệt Giáo viên**

***Nguyễn Thị Thuỷ Nguyễn Thị Hoa Nguyễn Thị Hoa***